

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hà Nội, tháng 3 năm 2018



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 27
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch và số dư với các bên liên quan	28 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu trình bày Báo cáo cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18/11/2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

CÁC CÔNG TY CON ĐÃ ĐƯỢC HỢP NHẤT

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội	3.000.000.000	54%	Tư vấn thiết kế
Tổng		3.000.000.000		

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Vương Thái Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hùng	Ủy viên
Ông Trương Hùng Sơn	Ủy viên
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ông Phan Thanh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phan Thanh Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Số: 140/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		45.493.185.586	114.882.144.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.589.989.422	62.981.803.343
1. Tiền	111		1.229.053.820	3.997.706.346
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.360.935.602	58.984.096.997
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.120.595.842	37.885.447.238
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	5.346.810.758	5.126.552.410
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.815.254.540	5.829.486.340
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.333.576.496	35.240.306.090
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(8.375.045.952)	(8.310.897.602)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	9.157.228.874	13.216.587.751
1. Hàng tồn kho	141		9.157.228.874	13.216.587.751
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		625.371.448	798.306.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	31.110.648	41.573.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		319.832.509	482.304.836
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		274.428.291	274.428.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		81.413.378.760	82.979.991.817
II. Tài sản cố định	220		12.279.176.861	12.587.859.082
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.127.926.861	3.436.609.082
- Nguyên giá	222		7.886.568.495	7.886.568.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.758.641.634)	(4.449.959.413)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	9.151.250.000	9.151.250.000
- Nguyên giá	228		9.151.250.000	9.151.250.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	64.119.330.481	64.082.986.208
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.119.330.481	64.082.986.208
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	4.212.934.279	5.547.856.061
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.212.934.279	4.199.635.261
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	4.334.277.840
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.986.057.040)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		801.937.139	761.290.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	801.937.139	761.290.466
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		126.906.564.346	197.862.136.592

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300	30.804.644.113	100.151.306.178
I. Nợ ngắn hạn	310	27.774.133.064	97.844.763.461
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	174.038.462	270.310.565
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	8.565.504.319	7.279.767.361
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.12	633.349.163	159.895.531
4. Phải trả người lao động	314	1.430.400.720	809.791.112
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 5.13	558.047.418	439.468.412
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.14	16.391.006.798	88.834.444.296
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21.786.184	51.086.184
II. Nợ dài hạn	330	3.030.511.049	2.306.542.717
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	908.435.872	290.467.540
7. Phải trả dài hạn khác	337 5.14	2.013.000.000	1.907.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339	109.075.177	109.075.177
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	96.101.920.233	97.710.830.414
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.15	96.101.920.233	97.710.830.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	12.739.309.410	12.754.161.319
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.376.525.328	1.376.525.328
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(19.786.726.326)	(17.955.393.133)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(17.968.693.272)	(17.547.804.405)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1.818.033.054)	(407.588.728)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.772.811.821	1.535.536.900
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	126.906.564.346	197.862.136.592

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	22.337.065.721	13.956.594.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	86.065.011
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		22.337.065.721	13.870.529.865
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	18.053.070.241	11.049.428.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.283.995.480	2.821.101.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.071.073.652	8.632.615.638
7. Chi phí tài chính	22	5.19	(925.711.805)	921.399.471
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		13.299.018	(2.861.913)
10. Chi phí bán hàng	25		99.750.394	605.972.328
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.249.575.276	11.953.558.304
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		(1.055.245.715)	(2.030.074.564)
13. Thu nhập khác	31	5.20	2.414.182	374.384.777
14. Chi phí khác	32	5.20	233.978.271	2.059.729.373
15. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	(231.564.089)	(1.685.344.596)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(1.286.809.804)	(3.715.419.160)
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	224.948.329	79.793.178
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(3.344.064.425)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.511.758.133)	(451.147.913)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ	61		(1.818.033.054)	(407.588.728)
21. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		306.274.921	(43.559.185)
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	(182)	(21)

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.286.809.804)	(3.715.419.160)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	308.682.221	607.737.938
- Các khoản dự phòng	03	(2.935.208.829)	(13.443.922.509)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.165.372.670)	(5.256.484.735)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.078.709.082)	(21.808.088.466)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	29.229.930.222	(22.705.594.056)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.059.358.877	(26.193.658)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(69.744.613.065)	41.232.617.714
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(30.184.005)	(166.386.719)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(164.452.178)	(145.670.171)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(44.151.909)	(1.833.377.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.772.821.140)	(5.452.692.974)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.344.273)	(515.712.416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	257.272.727
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.334.277.840	55.415.840.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.152.073.652	5.638.625.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.450.007.219	60.796.025.941
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(100.000.000.000)
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(50.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(69.000.000)	(100.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(36.391.813.921)	(44.706.667.033)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	62.981.803.343	107.688.470.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	26.589.989.422	62.981.803.343

Người lập biểu

Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng

Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18/11/2016. Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2017 VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	5.100.000	51.000.000.000	51,00%
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	500.000	5.000.000.000	5,00%
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	250.000	2.500.000.000	2,50%
Công ty Xăng dầu Khu vực II	25.000	250.000.000	0,25%
Công ty TNHH Đông Dương	500.000	5.000.000.000	5,00%
Công ty CP Chứng khoán SHS	980.000	9.800.000.000	9,80%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	100.000	1.000.000.000	1,00%
Các cổ đông khác	2.545.000	25.450.000.000	25,45%
Tổng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm: 44 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim); kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận), kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất; các dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.

• ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 là: Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản, cho thuê quyền sử dụng đất, xây lắp, tư vấn và kiểm định xây dựng

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty con:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội	3.000.000.000	54%	Tư vấn thiết kế
Tổng		3.000.000.000		

Công ty liên kết:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP BDS Nghệ An	Xóm 14 xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	10.000.000.000	47,45%	Kinh doanh BDS

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm: Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2017
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 07

Tài sản cố định vô hình: Công ty không trích khấu hao đối với các tài sản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.
Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	55.132.937	189.741.292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.173.920.883	3.807.965.054
Các khoản tương đương tiền (*)	25.360.935.602	58.984.096.997
Tổng	26.589.989.422	62.981.803.343

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.346.810.758	5.126.552.410
CTY CP Nhựa cao cấp Hàng Không	-	-
CTy CP Tổng Bách hoá	1.703.344.500	2.733.344.500
Công ty TNHH TM DV & sx Athena	2.097.556.452	2.097.556.452
Đối tượng khác	1.545.909.806	295.651.458
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	702.101.000	98.861.500
Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	38.695.000	-
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	433.147.000	-
Công ty Xăng dầu Lào Cai	-	4.970.785
CN Xăng dầu Ninh Bình - Cty Xăng dầu Hà Nam Ninh	-	7.474.538
Công ty Xăng dầu Yên Bái	41.723.000	86.416.177
Cty TNHH MTV Xăng dầu Lai Châu	188.536.000	-
Tổng	5.346.810.758	5.126.552.410

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	5.815.254.540	5.829.486.340
Công ty CP Đầu tư phát triển văn phòng	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	1.616.093.935	1.616.093.935
Đối tượng khác	199.160.605	213.392.405
Tổng	5.815.254.540	5.829.486.340

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	6.333.576.496	834.145.000	35.240.306.090	300.000.000
Công ty CP Đầu tư W29	1.068.290.000	534.145.000	1.068.290.000	-
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế (1)	-	-	29.873.044.664	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Tạm ứng	4.914.512.377	-	3.911.670.941	-
Phải thu khác	50.774.119	-	87.300.485	-
Tổng	6.333.576.496	834.145.000	35.240.306.090	300.000.000

(1): Phải thu vốn đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế đã giải thể theo Nghị quyết của HĐQT số 25/PIT-NQ-HĐQT ngày 07/12/2016 về việc chi trả vốn góp cho các cổ đông sau khi hoàn thành việc giải thể Công ty.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (*)	9.169.190.952	794.145.000	9.130.900.952	820.003.350

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

Trong đó:	Quá hạn	Quá hạn	Quá hạn	Quá hạn
	1-30 ngày	31-60 ngày	61-90 ngày	trên 90 ngày
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tổng Bách Hóa				1.703.344.500
Công ty TNHH TMDV & SX Athena				2.097.556.452
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN				300.000.000
Công ty CP Đầu tư W29				1.068.290.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Văn phòng				4.000.000.000
Tổng	-	-	-	9.169.190.952

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.072.051.874	-	3.761.638.205	-
Hàng hóa bất động sản	5.085.177.000	-	9.454.949.546	-
Tổng	9.157.228.874	-	13.216.587.751	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	31.110.648	41.573.316
Công cụ, dụng cụ	31.110.648	41.573.316
b) Dài hạn	801.937.139	761.290.466
Chi phí, Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	255.687.533	301.957.129
Chi phí hợp tác kinh doanh	546.249.606	459.333.337
Tổng	833.047.787	802.863.782

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	4.308.182.236	686.078.558	2.823.883.092	68.424.609	7.886.568.495
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>4.308.182.236</u>	<u>686.078.558</u>	<u>2.823.883.092</u>	<u>68.424.609</u>	<u>7.886.568.495</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	960.998.503	686.078.558	2.734.457.743	68.424.609	4.449.959.413
Tăng trong năm	219.256.872	-	89.425.349	-	308.682.221
Khấu hao trong năm	219.256.872	-	89.425.349	-	308.682.221
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>1.180.255.375</u>	<u>686.078.558</u>	<u>2.823.883.092</u>	<u>68.424.609</u>	<u>4.758.641.634</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2017	<u>3.347.183.733</u>	<u>-</u>	<u>89.425.349</u>	<u>-</u>	<u>3.436.609.082</u>
Số dư tại 31/12/2017	<u>3.127.926.861</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.127.926.861</u>

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 3.186.568.077 đồng

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm: Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này.

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	1.279.789.809	1.279.789.809
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	24.560.193.202	24.523.848.929
Dự án Đà Nẵng	1.057.049.176	1.057.049.176
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	37.080.980.522	37.080.980.522
Dự án Quán Bính Hà Tĩnh	141.317.772	141.317.772
Tổng	64.119.330.481	64.082.986.208

Chi tiết:

Dự án	Hiện trạng chi tiết
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	Đang thực hiện hợp đồng cho thuê công trình trên đất hình thành trong tương lai số 01/PLAND-VHC ngày 11/05/2013. Hiện nay công trình đã bàn giao đi vào sử dụng nhưng chưa quyết toán xong giá trị tài sản đầu tư trên đất.
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	Thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư và phân chia sản phẩm số 04/HĐKT/PLAND-Đông Dương ngày 29/09/2006. Hiện tại đối tác là Công ty CP Đầu tư Đông Dương đang hoàn thiện tòa nhà và đã bàn giao cho Pland phần diện tích được chia theo thỏa thuận
Dự án Đà Nẵng	Dự án đầu tư khai thác khu đất tại số 1 Trần Phú và số 6 Bạch Đằng - TP Đà Nẵng. Trong quá trình triển khai dự án trong dài hạn, để bù đắp chi phí tăng hiệu quả khai thác, Cty đã thực hiện hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất trung hạn số 10/PLAND-TĐ.
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	Từ 8/2008 đến 3/2010 dự án tạm dừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để rà soát các đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội, sau khi huyện Mê Linh sáp nhập vào Hà Nội. Từ 3/2010 đến 8/2011, chờ phê duyệt quy hoạch chung TP Hà Nội, từ 8/2011 đến nay, thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch đấu nối hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với quy hoạch chung TP Hà Nội mở rộng.
Dự án Quán Bính Hà Tĩnh	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2017			01/01/2017		
	Vốn	Quyền	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	năm giữ	biểu quyết						
	%	%						
a) Đầu tư Công ty liên kết			4.745.010.000	-	4.212.934.279	4.745.010.000	-	4.199.635.261
Công ty CP BĐS Nghệ An	47,45%	47,45%	4.745.010.000	-	4.212.934.279	4.745.010.000	-	4.199.635.261
b) Đầu tư dài hạn khác			-	-	-	4.334.277.840	2.986.057.040	1.348.220.800
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>								
Cổ phiếu ACB			-	-	-	4.034.277.840	2.986.057.040	1.048.220.800
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>								
Công ty CP DV và TM Petrolimex Lâm Đồng			-	-	-	300.000.000	-	300.000.000
Tổng			4.745.010.000	-	4.212.934.279	9.079.287.840	2.986.057.040	5.547.856.061

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	60.679.108	653.977.415	513.851.810	-	200.804.713
Thuế thu nhập doanh nghiệp	274.428.291	49.381.580	224.948.329	164.452.178	274.428.291	109.877.731
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.834.843	541.631.204	268.799.328	-	322.666.719
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.386.198	1.386.198	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.341.437	6.341.437	-	-
Tổng	274.428.291	159.895.531	1.432.284.583	958.830.951	274.428.291	633.349.163

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	558.047.418	439.468.412
Tiền thuê nhà	558.047.418	439.468.412
Tổng	558.047.418	439.468.412

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.391.006.798	88.834.444.296
Kinh phí công đoàn	33.259.580	19.552.922
Bảo hiểm xã hội;	15.127.107	-
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế (1)	6.447.552.797	46.387.199.333
Nguyễn Đình Chiến (2)	2.200.000.000	2.200.000.000
Cổ tức phải trả	157.054.700	204.272.700
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	717.390.210	680.339.018
Vốn hoàn trả các cổ đông (3)	6.439.300.000	39.110.810.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	381.322.404	232.270.323
b) Dài hạn	2.013.000.000	1.907.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (4)	2.013.000.000	1.907.000.000
Tổng	18.404.006.798	90.741.444.296

(1): Khoản tiền quản lý hộ Công ty CP Đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế để chi trả các chi phí phát sinh khi giải thể doanh nghiệp trên cơ sở yêu cầu của Hội đồng giải thể của Công ty Cổ phần đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế.

(2): Hợp đồng đặt cọc ngày 03/03/2014, Ông Chiến đặt cọc số tiền là 10% giá trị tạm tính của lô đất để khai thác khu đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 01 Trần Phú và số 06 Bạch Đằng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng, thời hạn đặt cọc là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(3): Hoàn trả vốn các cổ đông theo Nghị quyết số 38/Pland-NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông.

(4): Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	200.000.000.000	12.885.311.819	1.376.525.328	(17.842.373.032)	17.647.328.015	214.066.792.130
Tăng trong năm	-	-	-	762.461.964	-	762.461.964
Tăng khác	-	-	-	762.461.964	-	762.461.964
Giảm trong năm	100.000.000.000	131.150.500	-	875.482.065	16.111.791.115	117.118.423.680
Lỗi năm nay	-	-	-	407.588.728	-	407.588.728
Giảm vốn	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	131.150.500	-	467.893.337	-	599.043.837
Điều chỉnh giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	16.111.791.115	16.111.791.115
Số dư tại 31/12/2016	100.000.000.000	12.754.161.319	1.376.525.328	(17.955.393.133)	1.535.536.900	97.710.830.414
Số dư tại 01/01/2017	100.000.000.000	12.754.161.319	1.376.525.328	(17.955.393.133)	1.535.536.900	97.710.830.414
Tăng trong năm	-	-	-	-	237.274.921	237.274.921
Điều chỉnh tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	237.274.921	237.274.921
Giảm trong năm	-	14.851.909	-	1.831.333.193	-	1.846.185.102
Lỗi năm nay	-	-	-	1.818.033.054	-	1.818.033.054
Giảm khác	-	14.851.909	-	13.300.139	-	28.152.048
Số dư tại 31/12/2017	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(19.786.726.326)	1.772.811.821	96.101.920.233

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết Vốn chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	51.000.000.000	51.000.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Đông Dương	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán SHS	9.800.000.000	19.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	25.450.000.000	16.250.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	100.000.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.376.525.328	1.376.525.328

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	6.462.753.810
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.600.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.737.065.721	7.493.841.066
Tổng	22.337.065.721	13.956.594.876

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	5.988.988.272
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.369.772.546	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.683.297.695	5.060.439.779
Tổng	18.053.070.241	11.049.428.051

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.041.073.652	6.629.961.556
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	37.562
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	4.075.000
Lãi do bán chứng khoán	-	12.532.013
Lãi thoái vốn Công ty con	-	1.467.323.337
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.000.000	518.686.170
Tổng	1.071.073.652	8.632.615.638

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	-	-
Dự phòng đầu tư chứng khoán	(2.986.057.040)	(3.373.400)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.584	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.152
Dự phòng đầu tư công ty con, công ty liên kết	(13.300.139)	852.762.719
Lỗ bán chứng khoán	2.073.639.790	-
Chi phí tài chính khác	-	72.000.000
Tổng	(925.711.805)	921.399.471

5.20 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	257.272.727
Thu nhập khác	2.414.182	117.112.050
Tổng	2.414.182	374.384.777
Chi phí khác		
Chi phí dự án không tiếp tục thực hiện	-	408.119.273
Chi phí khác	233.978.271	1.651.610.100
Tổng	233.978.271	2.059.729.373
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(231.564.089)	(1.685.344.596)

5.21 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	224.948.329	79.793.178
Tổng	224.948.329	79.793.178

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(1.818.033.054)	(407.588.728)
Các khoản điều chỉnh:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.818.033.054)	(407.588.728)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	10.000.000	19.453.552
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(182)	(21)

5.23 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	174.969.825	112.954.822
Chi phí nhân công	7.631.742.279	4.249.445.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.682.221	607.737.938
Chi phí dự phòng	64.148.350	3.173.855.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.788.482.839	2.366.980.042
Chi phí khác bằng tiền	2.179.391.643	2.042.211.412
Tổng	18.147.417.157	12.553.184.467

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn của hoạt động kinh doanh bán hàng thương mại

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	Thù lao	429.600.000	374.353.800
Ban Giám đốc	Tiền lương	320.721.000	308.110.000

b. Số dư, Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các biểu mẫu hợp nhất Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU 01-B/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Kỳ báo cáo: Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Stt	Mã đơn vị	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
				Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I		Đầu tư vào Công ty con (TK221)						1.620.000.000			
3	11061400	Công ty CP Tư vấn công nghệ Xây dựng Petrolimex	7/2009	3.000.000.000	3.000.000.000	300.000	162.000	1.620.000.000	54,00%	54,00%	54,00%
II		Đầu tư Công ty liên kết (TK223)						4.745.010.000			
1	11061500	Cty CP Bất động sản Nghệ An	6/2011	10.000.000.000	10.000.000.000	1.000.000	474.501	4.745.010.000	47,45%	47,45%	47,45%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 02-A/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2017

Phần I/ Doanh thu hàng hóa

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu/ Đơn vị mua	Doanh thu thuần XD	Thuế BVMT XD	Giá vốn Xăng Dầu	Lãi gộp Xăng Dầu	Doanh thu thuần Vật tư-MMTB-TSCĐ- Công trình Thiết kế Xây lắp	Giá vốn Vật tư	Lãi gộp Vật tư
A	B	C	1	2	3	4 = 1-3	5	6
1		Công ty Xăng dầu Thái Bình				134.711.819	85.795.015	48.916.804
2		CN xăng dầu Bắc ninh				228.488.538	146.165.424	82.323.114
3		XN bán lẻ XD -Công ty Xăng dầu khu vực 1				99.461.774	88.733.033	10.728.741
4		Công ty Xăng dầu Tuyên Quang				652.917.770	341.650.398	311.267.372
5		Tổng Công ty Ga -CTCP				490.974.679	321.853.455	169.121.224
6		Công ty XD Khu vực 1				308.145.455	248.740.000	59.405.455
7		CN xăng dầu Vĩnh Phúc				54.182.727	39.247.702	14.935.025
8		CN Xăng dầu Ninh Bình				22.692.056	13.775.397	8.916.659
9		Cty Xăng dầu Hà Giang				116.382.453	89.367.495	27.014.958
10		Cty CP nhiên liệu bay Petrolimex				1.044.306.209	745.418.302	298.887.907
11		CN xăng dầu Hà Nam				293.727.676	230.631.591	63.096.085
12		Cty Xăng dầu yên Bái				272.837.721	171.955.699	100.882.022
13		Cảng dầu B12				30.000.000	23.710.955	6.289.045
14		Cty CP TM và Vận tải Petrolimex Hà nội				36.840.000	32.059.508	4.780.492
15		Tập đoàn Xăng dầu VN				133.548.180	123.093.155	10.455.025
16		Cty CP Xây lắp 1 Petrolimex				68.181.817	38.719.204	29.462.613
17		Cty TNHH MTV Xăng dầu Lai châu				171.396.364	86.553.807	84.842.557
18		Cty TNHH nhựa đường Petrolimex				90.074.545	73.284.453	16.790.092
		Cộng	-	-	-	4.248.869.783	2.900.754.593	1.348.115.190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 04-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	702.101.000	-	-	-	-	-
1			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	38.695.000	-	-	-	-	-
2			Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	433.147.000	-	-	-	-	-
3			Công ty Xăng dầu Yên Bái	41.723.000	-	-	-	-	-
			Cty TNHH MTV Xăng dầu Lai Châu	188.536.000					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 05-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng


STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	113.987.381	2.466.403.934	-	717.390.210	-	-
1			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	58.740.060		-	717.390.210	-	-
2			Công ty TNHH Bê tông và xây lắp Petrolimex	55.247.321					
3			Công ty CP TM và vận tải Petrolimex Hà nội		157.067.815				
4			Công ty CP nhiên liệu bay		1.712.432.200				
5			Cty TNHH Nhựa đường Petrolimex		228.103.919				
6			Công ty CP Xây lắp 1 Petrolimex		98.900.000				
7			Công ty Xăng dầu Phú thọ		145.900.000				
8			CN xăng dầu Ninh Bình - Cty Xăng dầu Hà Nam Ninh		124.000.000				
9									
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

Người lập



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

